

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **761** /SNN&PTNT-VP

Thanh Hoá, ngày **11** tháng 3 năm 2019

V/v báo cáo thực trạng về năng lực
các tổ chức dịch vụ KH&CN

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thanh Hóa.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được Công văn số 156/SKH&CN-TĐC, ngày 25/2/2019 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc báo cáo thực trạng về năng lực các tổ chức dịch vụ KH&CN; Sở Nông nghiệp và PTNT lập báo cáo về thực trạng năng lực tổ chức dịch vụ KH&CN trong ngành như sau:

I. Trung tâm Khuyến nông

1. Thực trạng tổ chức dịch vụ KH&CN

- Cơ cấu tổ chức và nguồn nhân lực:

Trung tâm Khuyến nông Thanh Hóa là đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện công tác chuyển giao TBKT cho nông dân, có tham gia hoạt động khoa học và công nghệ. Trung tâm có số lượng cán bộ: 35 người, trong đó 10 cán bộ là thạc sỹ, 23 cán bộ có trình độ đại học. Hầu hết các cán bộ đều tham gia trong ban thực hiện các dự án, trực tiếp làm nhiệm vụ KH&CN (*có danh sách cụ thể kèm theo phụ lục 01*).

- Thực trạng năng lực công nghệ:

Hoạt động chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và ứng dụng các mô hình sản xuất là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục của đơn vị. Hàng năm Trung tâm Khuyến nông đã xây dựng nhiều loại mô hình trình diễn, các mô hình đã triển khai tập trung đúng với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, bám sát đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

Từ năm 2014 đến năm 2017 có 2 nhiệm vụ KH&CN đã triển khai và được nghiệm thu đó là Dự án: Sản xuất thử nghiệm giống và nuôi thương phẩm Hàu Thái Bình Dương (*Crassostrea gigas*, thunberg 1793) tại tỉnh Thanh Hóa, và Đề tài: Nghiên cứu tuyển chọn một số giống khoai tây năng suất cao, chất lượng tốt tại Thanh Hoá.

Trong năm 2018 Trung tâm Khuyến nông Thanh Hoá cơ quan chủ trì dự án đã nghiệm thu, tổng kết và hoàn thiện các thủ tục thanh quyết toán cho dự án khoa học “Ứng dụng đồng bộ tiến bộ khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình trang trại sinh thái tổng hợp trên đất đồi canh tác kém hiệu quả tại huyện Cẩm Thủy, Thanh Hoá” (dự án triển khai từ tháng 2/2016-8/2018).

Bắt đầu triển khai thực hiện Dự án: Nghiên cứu kỹ thuật ươm giống cây keo lai (Acacia hybrid) trên giá thể không sử dụng vỏ bầu PE nhằm giảm chi phí, nâng cao tỷ lệ sống và khả năng sinh trưởng của rừng trồng gỗ lớn tại Thanh Hoá

- Công tác hội nhập quốc tế về KH&CN

Trung tâm Khuyến nông không có hoạt động hợp tác quốc tế về Khoa học và công nghệ. Tuy nhiên trong tình hình khoa học và công nghệ phát triển rất nhanh cùng với toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng tác động mạnh mẽ tới quá trình phát triển kinh tế xã hội, mỗi cán bộ trong đơn vị đều nêu tự giác nêu cao tinh thần học hỏi, đổi mới sáng tạo, luôn trau dồi kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm thực tế để đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công việc.

2. Đánh giá về việc phân bổ hợp lý nguồn lực tài chính và hạ tầng kỹ thuật từ cấp trên cho các tổ chức dịch vụ KH&CN

Trung tâm Khuyến nông thực hiện các đề tài, dự án KH&CN với nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước, phân bổ thông qua Sở tài chính và Kho bạc nhà nước. Việc thực hiện nội dung của đề tài, dự án trong từng năm đã có trong hợp đồng khi ký kết với Sở Khoa học và công nghệ. Tuy nhiên, kinh phí thực hiện lại chỉ chuyển cho đơn vị sau khi có các chứng từ thanh quyết toán, gây khó khăn cho công tác triển khai.

3. Khả năng chuyển giao, ứng dụng các kết quả nghiên cứu KH&CN:

Kết quả của các đề tài, dự án KH&CN mà đơn vị đã thực hiện được chuyển giao trực tiếp tới bà con nông dân, các cơ quan quản lý nhà nước liên quan thông qua các lớp tập huấn đào tạo, hoạt động thông tin tuyên truyền và lồng ghép trong công tác xây dựng mô hình.

4. Định hướng các hoạt động KH&CN giai đoạn đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035

Trung tâm Khuyến nông Thanh Hóa xác định Khoa học và công nghệ có vai trò quyết định đến sự phát triển kinh tế - xã hội, vừa là phương tiện, vừa là động lực, vừa là mục tiêu của sự phát triển. Yêu cầu trình độ của các cán bộ thuộc đơn vị cũng phải cập nhật liên tục để bắt kịp với sự thay đổi không ngừng của Khoa học công nghệ.

Theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, trong thời gian tới Trung tâm Khuyến nông sẽ tăng cường đề xuất thực hiện các đề tài, dự án theo hướng nông nghiệp bền vững, an toàn và các giải pháp công nghệ ứng phó với biến đổi khí hậu, công nghệ sản xuất nâng cao chất lượng cây trồng phục vụ chế biến, xuất khẩu, nâng cao hiệu quả kinh tế cho người sản xuất.

II. Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận chất lượng nông, lâm, thủy sản

1. Thực trạng tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ.

Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận chất lượng nông, lâm, thủy sản (*Trung tâm*) là đơn vị sự nghiệp có thu, trực thuộc Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản.

- Về cơ cấu tổ chức:

Trung tâm được thành lập theo Quyết định số 2845/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá.

Bộ máy tổ chức: Tổ chức bộ máy, biên chế: Trung tâm có 01 Giám đốc, 01 Phó Giám đốc và 03 phòng chuyên môn, nghiệp vụ. Với tổng số cán bộ là 21 cán bộ, trong đó: 08 thạc sỹ, 12 đại học và 01 cao đẳng

- Số lượng và chất lượng nguồn nhân lực (*chi tiết tại phụ lục 02 kèm theo*).

- Loại hình dịch vụ cung cấp:

+ Dịch vụ về kiểm định, kiểm nghiệm, phân tích chất lượng nông, lâm, thủy sản và muối, VSATTP, vật tư nông nghiệp đối với các tổ chức, cá nhân theo quy định pháp luật; tham gia đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực chất lượng nông lâm thủy sản và muối.

+ Dịch vụ về chứng nhận các quy trình thực hành sản xuất tốt (VietGAP, VietGAHP, GMP..) và chất lượng vật tư nông nghiệp, chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm nông, lâm, thủy sản và muối (*bao gồm cả sản phẩm phi thực phẩm*) khi được cơ quan có thẩm quyền chỉ định.

- Thực trạng năng lực công nghệ:

Năng lực thiết bị máy móc (*chi tiết tại phụ lục 03 kèm theo*).

Lĩnh vực hoạt động được công nhận, cụ thể:

+ Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng - Bộ KH&CN cấp: Giấy chứng nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động thử nghiệm số 2380/TĐC-HCHQ ngày 25 tháng 9 năm 2017; số 250/TĐC-HCHQ ngày 29 tháng 01 năm 2018; số 2483/TĐC-HCHQ ngày 31 tháng 8 năm 2018; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận số 1450/TĐC-HCHQ ngày 22 tháng 6 năm 2017; số 1952/TĐC-HCHQ ngày 11 tháng 8 năm 2018; số 2480/TĐC-HCHQ ngày 31 tháng 8 năm 2018.

+ Văn phòng Công nhận chất lượng - Bộ KH&CN công nhận: Phòng thí nghiệm phù hợp theo ISO 17025:2005 với các phép thử trong lĩnh vực hóa; sinh, số hiệu VILAS 690 tại Quyết định số 05.2017/QĐ-VPCNCL, ngày 05/01/2017; Công nhận Tổ chức chứng nhận sản phẩm tại Quyết định số 50.2017/QĐ-VPCNCL ngày 10 tháng 02 năm 2017.

+ Cục trưởng Cục Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và PTNT chỉ định: Phòng thử nghiệm lĩnh vực thức ăn chăn nuôi tại Quyết định số 515/QĐ-CN-TĂCN, ngày 24/12/2018; chỉ định Tổ chức chứng nhận VietGAP trong chăn nuôi (mã số: VietGAP-CN-15-03) tại Quyết định số 268/QĐ-CN- TTPC ngày 01 tháng 6 năm 2015.

+ Cục trưởng Cục Bảo vệ Thực vật - Bộ Nông nghiệp và PTNT: chỉ định tổ chức thử nghiệm lĩnh vực phân bón tại Quyết định số 3566/QĐ-BVTV-KH ngày 19/12/2018; chỉ định tổ chức chứng nhận tại Quyết định số 3098/QĐ-BVTV-KH ngày 15 tháng 11 năm 2018.

+ Bộ Nông nghiệp và PTNT chỉ định Phòng thử nghiệm ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn có mã số phòng thử nghiệm là LAS-NN 22 tại Quyết định số 2999/QĐ-BNN-KHCN ngày 28/7/2015 và Quyết định số 2862/QĐ-BNN-KHCN ngày 11/7/2016.

2. Tình hình triển khai thực hiện quy chế dân chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức:

- Cấp ủy và Lãnh đạo Chi cục quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt quy chế dân chủ tại Chi cục. Gắn việc thực hiện Quy chế dân chủ với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, đảm bảo phát huy quyền làm chủ của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

- Trong hoạt động tài chính, Chi cục và Trung tâm luôn công khai dự toán ngân sách từ đầu năm, công khai quyết toán tài chính vào cuối năm; đồng thời thành lập tổ kiểm tra tài chính theo quy định.

Để tăng cường huy động nguồn lực tài chính, chủ yếu là từ Ngân sách Nhà nước, Chi cục tập trung chỉ đạo Trung tâm xây dựng các Đề tài, Dự án liên quan đến chức năng nhiệm vụ của đơn vị nhằm nâng cao năng lực KH&CN.

3. Thực trạng thị trường đối với dịch vụ KH&CN tại Trung tâm:

Hiện nay, hệ thống các văn bản về quản lý chất lượng vật tư hàng hóa nông nghiệp, ATTP đã có luật, nghị định, thông tư và các văn bản chỉ đạo điều hành, hướng dẫn tương đối đầy đủ, tạo hành lang pháp lý khá chặt chẽ để thực hiện công tác quản lý về chất lượng vật tư hàng hóa nông nghiệp, ATTP nông, lâm thủy sản; cùng với nhận thức ngày càng cao của người dân. Nhu cầu kiểm định, kiểm nghiệm, chứng nhận chất lượng nông, lâm, thủy sản và muối, VSATTP của các đơn vị, tổ chức, cá nhân ngày càng cao.

4. Định hướng và đề xuất các giải pháp nâng cao tổ chức dịch vụ KH&CN đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035.

- Xây dựng được phòng kiểm nghiệm hiện đại, trang thiết bị đồng bộ, đủ năng lực để giúp Thanh Hóa chủ động trong việc kiểm soát chất lượng vật tư hàng hóa nông nghiệp, ATTP nông, lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh; Phòng thí nghiệm

có đủ năng lực để phân tích khẳng định các phép thử hóa học và vi sinh hỗ trợ cho công tác kiểm tra, thanh tra và giám sát an toàn thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh và cung ứng dịch vụ kiểm nghiệm chất lượng vật tư hàng hóa nông nghiệp, ATTP nông, lâm thủy sản cho các tỉnh lân cận.

- Xây dựng được Tổ chức chứng nhận đảm bảo năng lực chứng nhận các quy trình thực hành sản xuất tốt (VietGAP, VietGAHP, GMP..) và chất lượng vật tư nông nghiệp, chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm nông, lâm, thủy sản và muối (*bao gồm cả sản phẩm phi thực phẩm*), phục vụ cho công tác quản lý nhà nước và dịch vụ công trên địa bàn tỉnh và các tỉnh lân cận.

Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Lưu: VT, VP (02).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Viết Thái

Phụ lục 1
SỐ LƯỢNG VÀ CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC
CỦA TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG
(Kèm theo Công văn số 764 /SNN&PTNT-VP ngày 11 /3/2019 của Sở
Nông nghiệp và PTNT)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tuổi	Trình độ đào tạo	Chuyên môn nghiệp vụ
1	Nguyễn Duy Minh	Giám đốc	55	Đại học	Chăn nuôi
2	Phạm Thị Hoa	Phó giám đốc	52	Đại học	Lâm nghiệp
3	Vũ Văn Hà	Phó giám đốc	46	Thạc sỹ	Thủy sản
4	Lê Văn Khoa	Phó giám đốc	59	Thạc sỹ	Trồng trọt
5	Nguyễn Đăng Nguyên	Trưởng phòng	40	Thạc sỹ	Trồng trọt
6	Hoàng Hồng Chung	Trưởng phòng	45	Thạc sỹ	Thủy sản
7	Trịnh Thị Vinh	Trưởng phòng	50	Đại học	Kế toán
8	Hoàng Thị Thu Hằng	Phó Trưởng phòng	45	Đại học	Thủy sản
9	Lê Sỹ Thành	Trưởng phòng	40	Đại học	Bác sỹ thú y
10	Trịnh Thị Hà	Trưởng phòng	37	Thạc sỹ	Trồng trọt
11	Trịnh Thị Luyện	Phó Trưởng phòng	34	Thạc sỹ	Trồng trọt
12	Trần Thị Niên	Phó Trưởng phòng	35	Thạc sỹ	Trồng trọt
13	Trịnh Thị Ngọc Diệp	Cán bộ	33	Thạc sỹ	Trồng trọt
14	Nguyễn Thị Thu Hiền	Cán bộ	40	Thạc sỹ	Trồng trọt
15	Nguyễn Ngọc Duy	Cán bộ	36	Thạc sỹ	Chăn nuôi
16	Hà Mạnh Hùng	Cán bộ	37	Thạc sỹ	Trồng trọt
17	Lê Thị Hòa	Cán bộ	33	Đại học	Kinh tế
18	Đỗ Kiên Cường	Cán bộ	35	Đại học	Trồng trọt
19	Nguyễn Thị Bé	Cán bộ	28	Đại học	Trồng trọt
20	Nguyễn Trọng Minh	Phó Trưởng phòng	34	Thạc sỹ	Trồng trọt
21	Nguyễn Thị Hương	Cán bộ	47	Thạc sỹ	Lâm nghiệp
22	Lê Thị Thêu	Phó Trưởng phòng	50	Đại học	Chăn nuôi
23	Hà Thị Thùy Linh	Cán bộ	35	Đại học	Chăn nuôi
24	Nguyễn Hữu Hùng	Phó Trưởng phòng	40	Đại học	Thông tin Báo chí
25	Trương Tiến Tuyến	Cán bộ	41	Đại học	Thông tin Báo chí
26	Bùi Mạnh Hùng	Cán bộ	43	Đại học	Thủy sản
27	Võ Đình Thanh	Cán bộ	41	Đại học	Trồng trọt
28	Lê Thị Hiền	Cán bộ	26	Đại học	Kinh tế

Phụ lục 2

**SỞ LƯỢNG VÀ CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC
CỦA TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG
NÔNG, LÂM, THỦY SẢN**

(Kèm theo Công văn số 761/SNN&PTNT-VP ngày 11/3/2019 của Sở
Nông nghiệp và PTNT)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tuổi	Trình độ đào tạo	Chuyên môn nghiệp vụ
1	Trịnh Khắc Vịnh	Giám đốc	38	Cao học	Th.S BQCB
2	Nguyễn Khánh Toàn	P. Giám đốc	39	Cao học	Th.S CNSH
3	Nguyễn Thị Hạnh	TP KNCL	37	Cao học	Th.S KHCT
4	Nguyễn Thị Kim Chi	PTP KNCL	37	Đại học	KS BQCB
5	Lê Huy Quỳnh	PTP CNCL	35	Cao học	Th.S KHCT
6	Trịnh Thị Lan	PTP HC-TH	33	Đại học	Kế toán
7	Hồ Sỹ Tiến	Nhân viên	38	Cao học	Th.S KHCT
8	Lê Thị Hằng	Nhân viên	43	Cao học	Th.S KHCT
9	Vũ Thị Bích	Nhân viên	34	Đại học	KS BQCB
10	Hoàng T. Minh Nguyệt	Nhân viên	37	Đại học	KS BQCB
11	Nguyễn Thị Chiến	Nhân viên	53	Đại học	KS Trồng trọt
12	Lê Thị Trang Nhung	Nhân viên	29	Đại học	KS Hóa
13	Ngô Thị Hiền	Nhân viên	32	Đại học	KS CNSH
14	Nguyễn Thị Minh Hằng	Nhân viên	27	Đại học	KS Nông học
15	Lê Phú Quý	Nhân viên	35	Cao học	Th.S Trồng trọt
16	Cao Văn Hào	Nhân viên	24	Đại học	KS CNTY
17	Trần Hoàng Hiệp	Nhân viên	28	Cao học	Th.S KHCT
18	Nguyễn Thị Ngọc Trang	Nhân viên	30	Đại học	Cử nhân QTKD
19	Mai Thị Trang	Nhân viên	29	Đại học	Kế toán
20	Nguyễn Mạnh Uyên	Nhân viên	35	Cao đẳng	CNTT
21	Nghiêm Ngọc Linh	Bảo vệ	49	Đại học	Kế toán

Phụ lục 3
NĂNG LỰC THIẾT BỊ MÁY MÓC CỦA TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ CHỨNG
HIỆN CHẤT LƯỢNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN



(Kèm theo Công văn số 761/SNN&PTNT-VP ngày 11/3/2019 của Sở
 Nông nghiệp và PTNT)

TT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ HIỆU TB	GHI CHÚ
1	Máy đo phát xạ PFB7	KNCL/TB/01	
2	Máy cắt đạm bán tự động UDK132	KNCL/TB/02	
3	Máy đo pH, EC, Eh pH900	KNCL/TB/03	
4	Máy phân tích chất béo	KNCL/TB/04	
5	Hệ thống phân tích xơ chiết lạnh	KNCL/TB/05	
6	Máy lắc ngang HS260 basic	KNCL/TB/06	
7	Máy lắc tròn KS 130 basic	KNCL/TB/07	
8	Máy ly tâm EBA	KNCL/TB/08	
9	Máy đếm khuẩn lạc BZG 30	KNCL/TB/09	
10	Thiết bị phân tích độ ẩm MB45	KNCL/TB/10	
11	Máy nghiền mẫu MF10	KNCL/TB/11	
12	Máy khuấy từ ARE	KNCL/TB/12	
13	Máy đo độ ẩm sách tay PM 410	KNCL/TB/13	
14	Máy hút ẩm WINNIX-SDH 3401V	KNCL/TB/14	
15	Máy hút ẩm WINNIX-SDH 3401V	KNCL/TB/15	
16	Máy hút ẩm WINNIX-SDH 3401V	KNCL/TB/16	
17	Máy thổi hạt	KNCL/TB/17	
18	Máy burret 50	KNCL/TB/18	
19	Máy tính	KNCL/TB/19	
20	Máy tính	KNCL/TB/20	
21	Tủ lạnh bảo quản mẫu SC320	KNCL/TB/21	
22	Tủ âm lạnh FOC 225E	KNCL/TB/22	
23	Tủ lạnh bảo quản mẫu AUCMA	KNCL/TB/23	
24	Tủ sấy UNB 400	KNCL/TB/24	
25	Tủ sấy UNB 500	KNCL/TB/25	
26	Tủ ấm nuôi cấy tế bào MCV711ATS	KNCL/TB/26	
27	Tủ hút độc pha hoá chất HL70-120	KNCL/TB/27	
28	Tủ ấm CO2 nuôi VSV kị khí MC075AC	KNCL/TB/28	

29	Tủ nẩy mầm SHH- 250GS	KNCL/TB/29	
30	Tủ nung EF11/8B	KNCL/TB/30	
31	Cân phân tích BL220H	KNCL/TB/31	
32	Cân kỹ thuật BL620S	KNCL/TB/32	
33	Cân kỹ thuật BL620S	KNCL/TB/33	
34	Bếp cách thủy W29	KNCL/TB/34	
35	Bếp điện từ PARE	KNCL/TB/35	
36	Bếp điện từ HCT	KNCL/TB/36	
37	Nồi hấp tiệt trùng SA-300VF	KNCL/TB/37	
38	Bộ sàng phân loại hạt	KNCL/TB/38	
39	Bàn soi hạt MG400/c No135/A	KNCL/TB/39	
40	Kính soi nổi đầu quan Sát sz6045	KNCL/TB/40	
41	Kính hiển vi sinh học BX41	KNCL/TB/41	
42	Dụng cụ chia mẫu	KNCL/TB/42	
43	Xiên lấy mẫu	KNCL/TB/43	
44	Điều hoà CS-C18CKF	KNCL/TB/44	
45	Điều hoà CS	KNCL/TB/45	
46	Bình hút ẩm	KNCL/TB/46	
47	Bình hút ẩm	KNCL/TB/47	
48	Nhiệt ẩm kế	KNCL/TB/48	
49	Nhiệt ẩm kế	KNCL/TB/49	
50	Nhiệt ẩm kế	KNCL/TB/50	
51	Nhiệt ẩm kế hiển thị số DHT-1	KNCL/TB//51	
52	Nhiệt kế hiển điện tử 110 ebro	KNCL/TB//52	
53	Cân kỹ thuật UX 4200H	KNCL/TB//53	
54	Máy nghiền mẫu MF10	KNCL/TB/54	
55	Bếp công phá mẫu 6	KNCL/TB/55	
56	Máy quang phổ khả kiến Model: DR 3900	KNCL/TB/01/2014	
57	Máy đồng hóa mẫu bằng siêu âm	KNCL/TB/02/2014	
58	Máy trộn nhu động Model: T 25 digital Ultra-Turrax	KNCL/TB/03/2014	
59	Máy li tâm lạnh Model: Mikro 220R	KNCL/TB/04/2014	
60	Máy cất quay chân không có phần làm lạnh Model: RV 10 basic V	KNCL/TB/05/2014	
61	Micropipette Model: Research Plus	KNCL/TB/06/2014	

HỒ LỊCH
 S
 CÔNG
 A PHÁ
 HỒNG
 TỈNH TH

62	Máy nghiền mẫu khô Model: M20 Universal mill	KNCL/TB/07/2014	
63	Máy lắc Vortex Model: Genius 3	KNCL/TB/08/2014	
64	Máy khuấy từ có gia nhiệt Model: RCT basic IKAMAG® safety control	KNCL/TB/09/2014	
65	Lò vi sóng Model: GE83DSTT	KNCL/TB/10/2014	
66	Bộ khoan mẫu Mã: 5323-0200	KNCL/TB/11/2014	
67	Ấm kế Model: NJ-2099TH	KNCL/TB/12/2014	
68	Nhiệt kế Model: DHT- 1	KNCL/TB/13/2014	
69	Bộ quả cân chuẩn Mettler Toledo /Thụy Sĩ - Mỹ	KNCL/TB/14/2014	
70	Máy quang kế ngọn lửa Model: PFP 7	KNCL/TB/15/2014	
71	Bộ chiết chất béo Model: Ser148/3	KNCL/TB/16/2014	
72	Tủ hút khí độc Model: ADC-4B1	KNCL/TB/17/2014	
73	Cân phân tích 10 ⁻⁴ Model: PA-214C	KNCL/TB/18/2014	
74	Cân phân tích 10 ⁻⁴ Model: PA-214C	KNCL/TB/19/2014	
75	Hệ thống sắc ký lỏng siêu hiệu năng ghép khối phổ Model: Acquity UPLC H-Class/QDa	KNCL/TB/20/2014	
76	Máy vi tính xách tay Model: SVF15217SGB	KNCL/TB/21/2014	
77	Máy in đen trắng Model: LBP-2900	KNCL/TB/22/2014	
78	Máy điều hòa treo tường Model: APS/APO-120	KNCL/TB/23/2014	
79	Máy điều hòa dạng đứng Model: APF/APO-280	KNCL/TB/24/2014	
80	Máy chung cất đạm Model: VAP 20s	KNCL/TB/25/2014	
81	Máy phá mẫu Model: KB 40S	KNCL/TB/26/2014	
82	Lò nung Model: L9/12	KNCL/TB/27/2014	
83	Hệ thống tách chiết pha rắn Model: 57044	KNCL/TB/28/2014	
84	Buret tự động hiển thị số Model: Titronic Universal	KNCL/TB/29/2014	
85	Bể ổn nhiệt Model: One 29	KNCL/TB/30/2014	
86	Tủ đông giữ mẫu Model: BD-3099N	KNCL/TB/31/2014	
87	Nhiệt kế điện tử hiển số Model: PCE-T317	KNCL/TB/32/2014	
88	Bàn soi ký sinh trùng	KNCL/TB33/2014	



89	Tủ này mầm Model: RGX300E	KNCL/TB/34/2014	
90	Máy lọc nước siêu sạch Model: Purelab CLASSIC UVF	KNCL/TB/35/2014	
91	Máy lắc siêu âm Model: TI-H-5 MF2	KNCL/TB/36/2014	
92	Tủ ẩm Model: IN55	KNCL/TB/37/2014	
93	Máy hút chân không	KNCL/TB/38/2014	
94	Máy hút chân không	KNCL/TB/39/2014	
95	Máy cắt đạm bán tự động	KNCL/TB/01/2015	
96	Bộ pha động	KNCL/TB/02/2015	
97	Tủ đông Nishu	KNCL/TB/01/2016	
98	Máy say thịt	KNCL/TB/02/2016	
99	Tủ lạnh Sanyo	KNCL/TB/03/2016	
100	Máy cắt đạm bán tự động UDK129	KNCL/TB/01/2017	
101	Cân phân tích 10^{-4} Model: PA-214C	KNCL/TB/02/2017	
102	Bếp điện từ	KNCL/TB/03/2017	
103	Tủ ATSH	KNCL/TB/01/2018	
104	Tủ hút độc	KNCL/TB/02/2018	
105	Tủ hút độc	KNCL/TB/03/2018	
106	Tủ hút độc	KNCL/TB/04/2018	
107	Máy đo pH	KNCL/TB/05/2018	
108	Máy cất nước	KNCL/TB/06/2018	
109	Máy cất nước	KNCL/TB/07/2018	
110	Hệ thống elisa	KNCL/TB/08/2018	
111	Máy lắc ngang	KNCL/TB/09/2018	
112	Máy nghiền khô MF 10 basic	KNCL/TB/10/2018	
113	Máy nghiền ướt Model : 3010-081P	KNCL/TB/11/2018	
114	Máy lắc vortex	KNCL/TB/12/2018	
115	Máy cô quay (02 cái)	KNCL/TB/13/2018	
116	Micropipet	KNCL/TB/14/2018	
117	Thiết bị phá đông Bosch BFL634GW1	KNCL/TB/15/2018	
118	Máy đập mẫu Model: Stomacher 3500 standard	KNCL/TB/16/2018	
119	Khoan mẫu Buerkle	KNCL/TB/17/2018	
120	Tủ lưu mẫu lạnh Model: MPR270W PRO	KNCL/TB/18/2018	
121	Tủ lạnh sâu Model: BD-3099N	KNCL/TB/19/2018	
122	Thiết bị lấy mẫu dạng lỏng:	KNCL/TB/20/2018	
123	Thiết bị lấy mẫu hạt: 3 ngăn Multi sampler	KNCL/TB/21/2018	
124	Thiết bị lấy mẫu bột	KNCL/TB/22/2018	